

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**PHƯƠNG ÁN SXKD SAU CỔ PHẦN HÓA
XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI**

Hà Nội, tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

PHẦN I:

TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

I	Giới thiệu	4
1.	Tóm tắt quá trình tổ chức hoạt động và phát triển	4
2.	Thông tin chung và ngành nghề kinh doanh	4
2.1	Thông tin chung về Doanh nghiệp	4
2.2	Ngành nghề kinh doanh	4
3	Sản phẩm dịch vụ chủ yếu	6
4.	Cơ cấu tổ chức xí nghiệp	6
II	Đánh giá hiện trạng	9
1.	Giá trị DN theo sổ sách số liệu báo cáo tài chính (30/6/2014)	9
2	Lao động	9
2.1	Thống kê lao động	9
2.2	Cơ cấu lao động	10
3.	Tổ chức chính trị đoàn thể trong doanh nghiệp	11
3.1	Tổ chức cơ sở Đảng	11
3.2	Tổ chức Công đoàn	11
3.3	Tổ chức Đoàn Thanh niên	11
4	Sử dụng đất đai	11
4.1	Địa điểm khu đất	11
4.2	Nguồn gốc khu đất	11
4.3	Cơ sở pháp lý khu đất	12
4.4	Hiện trạng sử dụng đất của đơn vị	12

5	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong ba năm 2011-2013 và dự kiến năm 2014	13
5.1	Kết quả hoạt động SXKD ba năm 2011-2013	13
5.2	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD từ năm 2011 đến nay	14
6	Vấn đề khác cần tiếp tục giải quyết	14
	<u>PHẦN II:</u>	16
	PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA	
1.	Cơ sở pháp lý thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp	16
2	Mục tiêu chuyển đổi	17
3.	Xác định mô hình chuyển đổi	17
3.1	Mô hình chuyển đổi	17
3.2	Giá trị doanh nghiệp và vốn điều lệ dự kiến	18
3.3	Ngành nghề kinh doanh	18
3.4	Mô hình tổ chức sau chuyển đổi	19
3.5	Phương án sử dụng lao động sau chuyển đổi	21
4.	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	26
5.	Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa	26
5.1	Sản phẩm kinh doanh	26
5.2	Thuận lợi khó khăn	27
5.3	Mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển SXKD giai đoạn 2015-2017	28
5.4	Các giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD	29
	<u>PHẦN III:</u>	34
	TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	
1.	Phương án cổ phần hóa	34
1.1	Giá trị Doanh nghiệp	34

1.2	Hình thức cổ phần hóa	34
1.3	Vốn điều lệ công ty cổ phần	34
1.4	Cơ cấu vốn điều lệ	34
2.	Tổ chức bán cổ phần	35
2.1	Đối tượng mua cổ phần	35
2.2	Cổ phần ưu đãi cho người lao động	36
2.3	Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn	37
2.4	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	37
2.5	Cổ phần bán đấu giá ra ngoài	37
2.6	Loại cổ phần và phương thức bán	38
3.	Thực hiện phương án cổ phần hóa sau khi được phê duyệt	38
4.	Kiến nghị	39

PHẦN I

TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

I. Giới thiệu:

1. Tóm tắt quá trình tổ chức hoạt động và phát triển

Tiền thân Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội là Công ty Thổ địa Bắc Kỳ thành lập năm 1899. Tên gọi qua các thời kỳ: Sở xe Điện Hà Nội (1954- 1955); Xí nghiệp xe Điện Hà Nội (1955 -1959); Quốc doanh xe Điện Hà Nội (1959 - 1969); Công ty xe Điện Hà Nội (1969- 2001); Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội (2001- 5/2004) là đơn vị phụ thuộc Công ty Vận tải và dịch vụ công cộng Hà Nội;

Ngày 14/5/2004, Tổng công ty Vận tải Hà Nội được thành lập theo quyết định số 72/2004/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội và Xí nghiệp xe Điện Hà Nội là đơn vị phụ thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

Ngày 16/11/2012, Hội đồng thành viên Tổng công ty Vận tải Hà Nội đã ban hành Quyết định số 3696/NQ-HĐTV thành lập Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ ngày 19/09/2012.

2. Thông tin chung và ngành nghề kinh doanh:

2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Xí nghiệp Xe điện Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: 69 Thụy Khuê – quận Tây Hồ – Hà Nội.
- Điện thoại:(04)37.577.489 Fax: (04)37.577.444, Mã số thuế: 0101148154-004
- Giấy phép đăng ký kinh doanh nhánh: số 0101148154 - 004 do Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/7/2001, thay đổi lần 2 ngày 24/7/2013
- Hình thức doanh nghiệp: Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) Tổng công ty Vận tải Hà Nội

Tổng công ty Vận tải Hà Nội là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội là chủ sở hữu

2.2. Ngành nghề kinh doanh:

Xí nghiệp Xe điện Hà Nội có các ngành nghề kinh doanh như sau (Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0101148154 - 004 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp

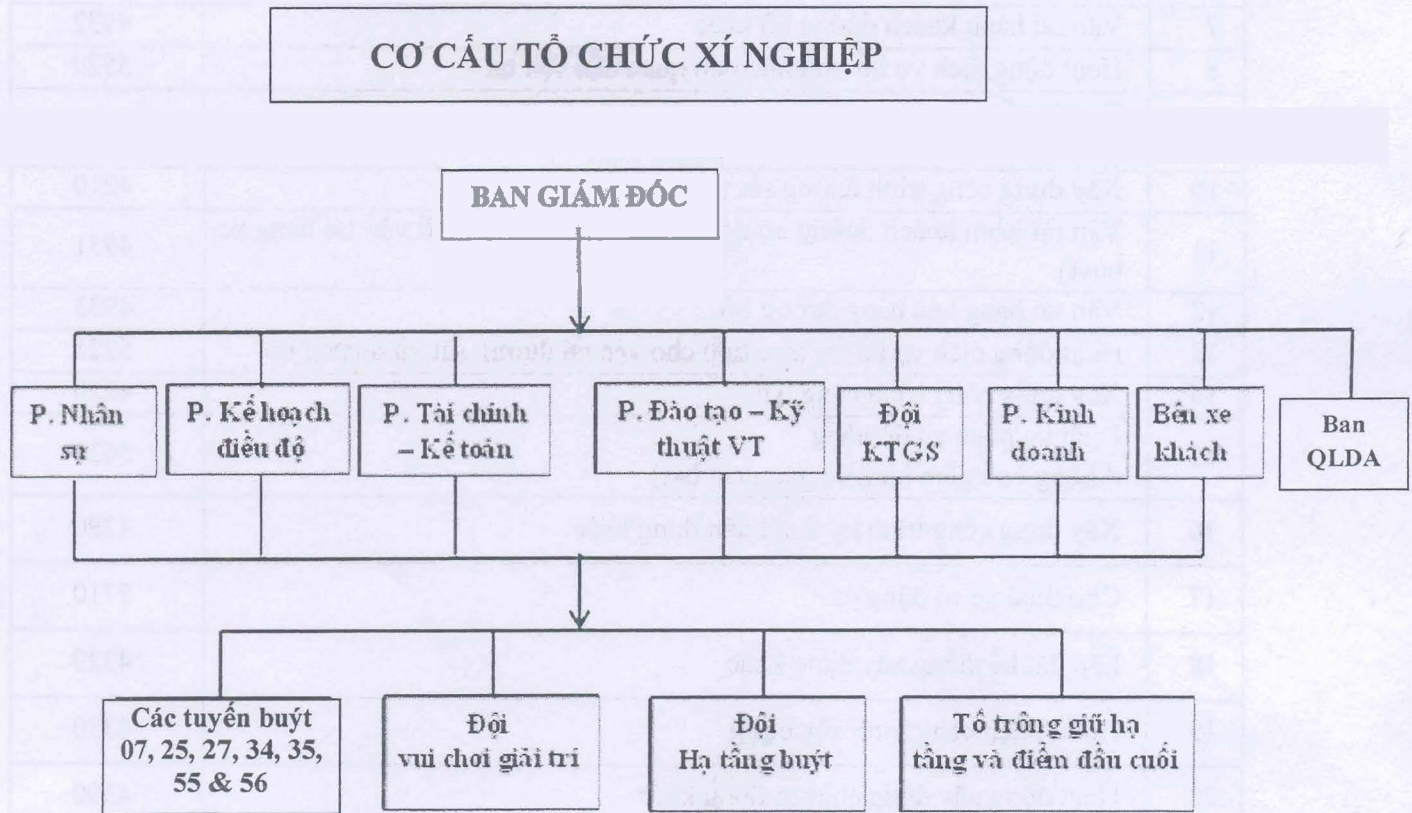
lần đầu ngày 16/7/2001, thay đổi lần 2 ngày 24/7/2013)

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải bằng xe buýt	4920
2	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục phát triển nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
3	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác).	3315
4	Sửa chữa thiết bị khác.	3319
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5529
9	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
10	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11	Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
14	Xây dựng công trình công ích	4220
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
17	Cho thuê xe có động cơ	7710
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	7120
22	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...) (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường)	5621
23	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường)	5629
24	Bốc xếp hàng hóa	5224

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.

- + Dịch vụ vận chuyển hành khách: Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội và các vùng lân cận.
- + Trông giữ bến bãi và các điểm đầu cuối.
- + Vui chơi giải trí: Dịch vụ xe đung, xe trượt nằm tại công viên Thủ Lệ và công Viên Lê Nin.
- + Duy tu, duy trì, lắp đặt hạ tầng buýt: Duy tu duy trì vệ sinh biển báo điểm dừng đỗ, lắp đặt biển báo điểm dừng, Pano tại các điểm đầu cuối xe buýt.
- + Các dự án đầu tư: Thực hiện các dự án Tổng công ty giao.

4. Cơ cấu tổ chức Xí nghiệp:



Chức năng, nhiệm vụ:

- Phòng nhân sự: Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện:
 - Công tác nhân sự: quản lý, theo dõi nhân sự, tham mưu cho lãnh đạo XN về công tác cán bộ. Xây dựng quy chế và trực tiếp quản lý lao động.
 - Công tác lao động tiền lương: Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tiền lương. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động (BHXH, BHYT, hưu trí..)

Khen thưởng kỷ luật: Đề xuất ban hành các nội quy, quy chế, quy định theo phân cấp. Theo dõi, giám sát việc thực hiện nội quy quy chế và thực hiện công tác khen thưởng – kỷ luật.

- Công tác quản trị hành chính: Công tác văn thư lưu trữ, tổ chức phục vụ hội họp, khánh tiết...Tổ chức thực hiện quản lý tài sản, trang thiết bị văn phòng, bảo vệ phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động.

- Phòng tài chính – kế toán: Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện

- Công tác kế toán – thống kê: Tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo quy định của nhà nước và quy chế quản lý tài chính của TCT. Định kỳ hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp chứng từ thu chi. Quyết toán vé, lệnh.

- Tổng hợp kế hoạch: Xây dựng kế hoạch tài chính, tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo thực hiện SXKD và chỉ tiêu về tài chính theo quy định.

- Công tác quản trị tài chính: Giám sát việc thực hiện kế hoạch tài chính. Quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí của XN. Tham gia xây dựng các định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi phí cho XN và giám sát việc hiện định mức.

- Phòng kế hoạch điều độ: Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch vận tải theo phân cấp: Xây dựng, theo dõi và báo cáo kế hoạch vận tải tháng, quý, năm. Tổ chức quản lý, cấp phát vé và lệnh vận chuyển hàng ngày, tổ chức nghiệm thu, thu ngân nội bộ.

- Điều hành hoạt động và kiểm tra giám sát chất lượng phục vụ trên tuyến: Trực tiếp quản lý sử dụng lái xe và nhân viên bán vé, điều hành hoạt động phương tiện theo quy định. Giải quyết các sự cố phát sinh trong quá trình hoạt động trên tuyến. Phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh trật tự trên tuyến.

- Gara ô tô: Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện:

- Tổ chức quản lý kỹ thuật phương tiện, trang thiết bị nhà xưởng: Xây dựng và thực hiện các quy trình, các định mức BDSC, tiêu hao nhiên liệu, định ngạch sử dụng vật tư, phụ tùng...cho phương tiện. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch BDSC phương tiện. Nghiệm thu và chịu trách nhiệm về chất lượng BDSC, kiểm định và quản lý hồ sơ phương tiện.

- Quản lý vật tư và phụ tùng, nguyên nhiên vật liệu: Xây dựng, tổ chức thực hiện cung ứng vật tư phụ tùng và theo dõi thống kê việc cấp phát, sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu cho từng phương tiện.

- Giao nhận phương tiện: Nhận bàn giao phương tiện từ lái xe sau ca hoạt động. Theo dõi Km từng xe và kiểm tra, phát hiện hỏng hóc phải lập biên bản quy kết trách

nhiệm và báo cho bộ phận sửa chữa. Tổ chức nghiệm thu vệ sinh phương tiện sạch, an toàn trước khi đưa xe ra hoạt động.

- An toàn, bảo hiểm, sự cố: Giải quyết kịp thời các sự cố, tai nạn giao thông, hỏng xe trên tuyến. Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vấn đề liên quan.

- Phòng Kinh doanh

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, xác lập và thống nhất áp dụng các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật của các loại hình sản xuất kinh doanh trong toàn Xí nghiệp.

- Khi các dự án, hợp đồng đi vào triển khai, lập dự toán thi công để làm cơ sở ứng vốn cho dự án, công trình và thanh quyết toán sau này.

- Phối hợp với phòng Đào tạo Kỹ thuật vật tư, trình Giám đốc ban hành và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật toàn Xí nghiệp.

- Phối hợp cùng với Ban quản lý Dự án lập hồ sơ dự thầu các công trình Xí nghiệp tham gia đấu thầu.

- Phối hợp với các phòng ban cùng hoàn thành công việc được giao.

- Ban quản lý dự án

- Ban QLDA giúp Chủ dự án quản lý thực hiện chương trình, dự án.

- Nhiệm vụ lập kế hoạch bao gồm: Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện chương trình, dự án (kế hoạch chi tiêu, kế hoạch đấu thầu,...), trong đó xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí chấp nhận kết quả đối với từng hoạt động của dự án để làm cơ sở theo dõi, đánh giá.

- Làm đầu mối của Cơ quan quyết định thành lập Ban QLDA và các cơ quan tham gia thực hiện chương trình, dự án trong việc liên hệ với nhà tài trợ về các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

- Theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án cho lãnh đạo Xí nghiệp.

- Đội kiểm tra giám sát

- Thực hiện kiểm tra đối với lái xe và bán vé trên tuyến theo nội quy, quy chế của Tổng Công ty và Xí nghiệp.

- Phối hợp với phòng Nhân sự đề xuất xử lý những trường hợp vi phạm quy chế.

- Báo cáo lãnh đạo Xí nghiệp về tình hình trên tuyến.

II. Đánh giá hiện trạng:

1. Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách số liệu báo cáo tài chính (tính đến hết 30/06/2014):

- Tổng tài sản: 69.726.832.489 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 2.000.000.000 đồng
- Công nợ: 67.726.832.489 đồng

2. Lao động:

2.1. Thống kê lao động:

TT	Đối tượng	Số lượng(người)
A. Ban Giám đốc		2
1	Giám đốc	1
2	Phó Giám đốc	1
B. Các phòng ban nghiệp vụ		127
1	Phòng Nhân sự (văn phòng, xe con, vệ sinh tạp vụ...)	16
2	Phòng Tài chính – Kế toán	5
3	Phòng Đào tạo – Kỹ thuật vật tư	24
4	Phòng Kế hoạch điều độ	34
6	Đội Kiểm tra Giám sát	10
7	Văn phòng Gara	12
8	Tổ Bảo vệ	26
C. Lao động trực tiếp, lao động khác		645
1	Bến xe khách Nam Thăng Long	7
2	Phòng kinh doanh	6
3	Đội dịch vụ vui chơi giải trí và lái xe dịch vụ	16
4	Đội quản lý cơ sở hạ tầng	10

5	Tổ Bảo vệ trông giữ điểm đầu cuối	24
6	Lao động khác: rửa xe, thợ BDSC...	39
7	Lái xe bán vé	543
Tổng cộng(A+B+C):		774

2.2. Cơ cấu lao động: Tổng số lao động: 774 người

Trong đó: - Đang làm việc 774 người

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Ghi chú
1. Theo trình độ lao động	774	100.00	
+ Thạc sỹ	1	0.13	
+ Đại học	47	6.07	
+ Cao đẳng	40	5.17	
+ Trung cấp và tương đương	299	38.63	
+ Công nhân kỹ thuật	69	8.91	
+ Lao động khác...	318	41.09	
2. Theo hợp đồng lao động	774	100.00	
+ Diện không phải ký HĐLĐ	2	0.26	
+ Hợp đồng không xác định thời hạn	471	60.85	
+ Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	242	31.27	
+ Hợp đồng thời vụ ngắn hạn (dưới 1 năm)	17	2.20	
+ Hợp đồng thử việc (3 tháng)	42	5.43	
3. Theo giới tính	774	100.00	
Nam	681	88.12	
Nữ	93	11.88	
4. Theo độ tuổi lao động bình quân	774	100.00	

Dưới 30 tuổi	183	23.64	
Từ 30 đến 44 tuổi	406	52.45	
Từ 45 đến dưới 60 tuổi	185	23.91	

3. Tổ chức chính trị đoàn thể trong doanh nghiệp.

Trong Xí nghiệp hiện đang có các tổ chức chính trị và đoàn thể: Đảng bộ Xí nghiệp, Công đoàn Xí nghiệp và Đoàn thanh niên Xí nghiệp.

3.1. Tổ chức cơ sở Đảng:

- Đảng bộ Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

3.2. Tổ chức công đoàn

- Công đoàn Xí nghiệp là công đoàn cơ sở thuộc Công đoàn Tổng Công ty vận tải Hà Nội.

3.3. Tổ chức đoàn thanh niên

- Đoàn thanh niên Xí nghiệp là đoàn thanh niên thuộc Đoàn thanh niên Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.

4. Sử dụng đất đai:

Cơ sở nhà đất hiện nay của Xí nghiệp tại Số 454 Đường Phạm Văn Đồng – Phường Xuân Đình – Quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ thực hiện việc cổ phần hóa.

4.1. Địa điểm khu đất: Số 463 Đường Phạm Văn Đồng – Xã Xuân Đình – Huyện Từ Liêm – Thành phố Hà Nội (Nay là: Số 454 Đường Phạm Văn Đồng – Phường Xuân Đình – Quận bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội).

4.2. Nguồn gốc khu đất:

Khu đất gồm hai phần diện tích có nguồn gốc và quá trình sử dụng như sau:

- **Phần diện tích đất 7.263 m²:** Trước đây là Điểm đỗ Nam Thăng Long được UBND Thành phố giao Công ty Vận tải và Dịch vụ công cộng Hà Nội (Tiền thân của Tổng công ty Vận tải Hà Nội) để tiếp tục quản lý, khai thác điểm đỗ xe buýt Nam

Thăng Long từ năm 2003. Tổng công ty giao cho Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp khiếu kiện và được sử dụng đúng theo mục đích được giao đất.

- **Phần diện tích đất 14.312 m²:** Được UBND Thành phố thu hồi và giao Tổng công ty Vận tải Hà Nội thuê để xây dựng mở rộng bến đỗ xe buýt Nam Thăng Long từ năm 2004. Tổng công ty giao cho Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp khiếu kiện và được sử dụng đúng theo mục đích được giao đất.

4.3. Cơ sở pháp lý khu đất:

- Quyết định số 3380/QĐ-UB ngày 16/06/2003 của UBND TP Hà Nội V/v cho Công ty Vận tải và dịch vụ công cộng Hà Nội sử dụng 7.263 m² đất tại xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm để tiếp tục quản lý, khai thác điểm đỗ xe buýt Nam Thăng Long.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 968947 kèm theo Quyết định số 6893/QĐ-UB ngày 14/11/2003 của UBND TP Hà Nội.
- Quyết định số 7607/QĐ-UB ngày 09/11/2004 của UBND TP Hà Nội về việc thu hồi 14.312 m² đất tại xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm; giao chính thức cho Tổng Công ty Vận tải Hà Nội thuê để xây dựng mở rộng bến đỗ xe buýt Nam Thăng Long.
- Hợp đồng thuê đất số 151-2004/TNMTNĐ-HĐTĐ TN ngày 09/12/2004.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 082555 ngày 08/06/2005, kèm theo Quyết định số 3898/QĐ-UB ngày 08/06/2005 của UBND TP Hà Nội về việc cấp GCN QSDĐ.

Quyết định số 866 ngày 3/6/2014 của HĐTV Tổng công ty Vận tải Hà Nội về việc: Giao quản lý vốn, tài sản, lao động, cơ sở nhà đất và các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan cho Xí nghiệp Xe Điện tại thời điểm 31/5/2014 để chuẩn bị cổ phần hóa.

4.4. Hiện trạng sử dụng khu đất của đơn vị: Khu đất được đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (gồm: San nền + tường chắn đất; Sân đường bê tông aphan + Bê tông cốt thép; Hệ thống cấp thoát nước; Hệ thống cấp điện, chiếu sáng; Bãi rửa xe + cầu rửa xe) và các công trình kiến trúc phục vụ cho hoạt động của Depot xe buýt.

Kết cấu công trình, diện tích chiếm đất:

*** Phần diện tích 7.263 m²:**

Hạng mục công trình	Diện tích chiếm đất (m ²)
Nhà điều hành: Nhà khung thép	180
Khu văn phòng làm việc + bảo vệ: Nhà cấp 4	164
Gara bảo dưỡng, sửa chữa	902
Nhà điều hành gara: Nhà cấp 4.	54
Trạm biến áp	24
Nhà để xe CBCNV	60
Khu vực để xe phục vụ bến xe khách	216
Nhà hai tầng (nhận bàn giao từ đội Thanh tra giao thông của Sở Giao thông Vận tải).	100

*** Phần diện tích đất 14.312 m², trong đó: 10.364 m² đất xây dựng công trình; 3.948 m² đất mở đường theo quy hoạch, gồm:**

Hạng mục công trình	Diện tích chiếm đất (m ²)
Nhà điều hành và Xưởng bảo dưỡng xe: Nhà khung thép	1652.37
Trạm xăng	127.53
Sân rửa xe	150
Nhà vệ sinh ngoài trời	20.6
Nhà gửi xe đạp, xe máy	74.25
Bể chứa nước cứu hỏa: Bê tông cốt thép	12
Chòi bảo vệ: Khung thép, vách tôn, mái tôn, cửa nhôm kính	24

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm 2011 – 2013 và dự kiến năm 2014.

5.1. Kết quả hoạt động SXKD 3 năm 2011-2013(dự kiến 2014)

- Xí nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực VTHKCC bằng phương tiện xe buýt với 7 tuyến và 129 xe buýt. Ngoài ra còn có các mạng kinh doanh khác như trông giữ bến bãi và điếm đầu cuối xe buýt; Duy tu, duy trì và xây lắp hạ tầng buýt; Dịch vụ vui chơi giải trí; Bến xe khách,

Về kết quả SXKD qua các năm 2011- 2013:

STT	Nội dung	Các chỉ tiêu				
		Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Dự kiến 2014
1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	193.520	202.691	229.182	223.032
1.1	Hoạt động VTHKCC bằng xe buýt	Triệu đồng	183.040	190.524	218.066	210.804
1.2	Hoạt động kinh doanh khác	Triệu đồng	10.480	12.167	11.116	12.228
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	306	333	400	656
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	239	260	312	512
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn NN	%				
5	Tổng số lao động	Người	736	718	743	783
6	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	40.689	44.833	47.264	50.470
7	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	1.000đ/th/ng	4.607	5.201	5.301	5.371
	Tăng trưởng	%		12,9	1,9	1,3

5.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2011 đến nay:

a. Thuận lợi:

Được sự quan tâm giúp đỡ của các ban ngành Thành phố, Sở GTVT, Trung tâm quản lý và điều hành giao thông đô thị cùng sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng công ty, sự đoàn kết nhất trí của tập thể CBCNV của Xí nghiệp.

b. Khó khăn.

Tình hình kinh tế của nước ta trong năm những năm gần đây tiếp tục diễn biến phức tạp, việc thắt chặt tài khóa và tiền tệ trong nước để kiềm chế lạm phát, nhu cầu tiêu dùng giảm so với năm trước do người dân thắt chặt chi tiêu có tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch của Xí nghiệp.

6. Vấn đề khác cần tiếp tục giải quyết:

- Sự phát triển chưa đảm bảo bền vững do sản phẩm dịch vụ kinh doanh chính là vận chuyển Bus bị phụ thuộc quá nhiều vào chính sách, quy hoạch cấp phép luồng tuyến và sự phát triển giao thông, phân bố dân cư của Thủ đô.
- Còn một số lao động mang tư duy cũ, không phù hợp, khó đáp ứng cách làm việc mới theo đúng kinh tế thị trường hướng vào khả năng cạnh tranh, chất lượng và khách hàng nên ý thức phục vụ, khả năng cập nhật công nghệ, thay đổi chuyên nghiệp chưa cao.
- Khả năng phát triển SXKD ngày càng khó khăn do các tuyến bus thuộc đơn vị quản lý đang dần đến điểm tới hạn của khả năng khai thác và sự chia sẻ lượng khách với các tuyến khác mới mở ra có chung điểm trung chuyển
- Ngành nghề kinh doanh chính của đơn vị hạn hẹp tập trung nhiệm vụ phục vụ GTCC, xã hội hóa nên khó phát huy được hết tiềm năng khai thác của đơn vị
- Nhu cầu nâng cấp cải tiến phương tiện vận chuyển đáp ứng sự cạnh tranh, đáp ứng khách hàng, các tiêu chuẩn kỹ thuật mới khi chuyển sang hoạt động như công ty CP là rất cao, do vậy cần nguồn vốn đầu tư huy động lớn trong khi số lượng CP phát hành, chủ trương và số lượng nhà đầu tư chiến lược chưa thể mở rộng ngay.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ về quy định chính sách với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu
- Căn cứ Thông tư 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015.
- Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/3/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2013.
- Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND Thành phố về việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Xí nghiệp Xe điện Hà Nội.

2. Mục tiêu chuyển đổi:

- Thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và UBND thành phố Hà Nội.
- Chuyển đổi hình thức sở hữu, đẩy mạnh xã hội hóa huy động các nguồn lực đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động bus nói riêng và GTCC trên địa bàn Hà Nội nói chung.
- Chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu; huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý để tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, gắn phát triển doanh nghiệp với thị trường vốn và thị trường chứng khoán.

3. Xác định mô hình chuyển đổi:

3.1. Mô hình chuyển đổi

- Hình thức chuyển đổi: Cổ phần hóa đơn vị hạch toán phụ thuộc Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước
- Tên của doanh nghiệp sau chuyển đổi:
 - + Tên gọi đầy đủ của công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN HÀ NỘI
 - + Tên tiếng Anh: HANOI TRAM JOINT STOCK COMPANY
 - + Tên giao dịch viết tắt: HANOI TRAM
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 454 Đường Phạm Văn Đồng – Phường Xuân Đình – Quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 043.7577.489 Fax: 043.7577.444
- E Mail : xedienhanoi@transerco.com.vn

Công ty cổ phần Xe điện Hà Nội được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Xe điện Hà Nội là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội – chi nhánh doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.

Công ty cổ phần hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.2. Giá trị doanh nghiệp và vốn điều lệ dự kiến

Giá trị doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước xác định lại tại Xi nghiệp tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

- Giá trị doanh nghiệp: 107.927.945.897 đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước: 40.201.122.408 đồng.
- Vốn điều lệ dự kiến: 55.000.000.000 đồng

3.3. Ngành nghề kinh doanh.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc các doanh nghiệp nhà nước tập trung hoạt động các ngành nghề kinh doanh chính, Công ty tiếp tục duy trì các ngành nghề kinh doanh hiện có và sẽ bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh tại thời điểm thích hợp.

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải bằng xe buýt	4920
2	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục phát triển nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
3	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác).	3315
4	Sửa chữa thiết bị khác.	3319
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5529
9	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
10	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11	Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
14	Xây dựng công trình công ích	4220
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
17	Cho thuê xe có động cơ	7710
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	7120
22	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...) (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường)	5621
23	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường)	5629
24	Bốc xếp hàng hóa	5224

3.4. Mô hình tổ chức sau chuyển đổi

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sau khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần gồm:

- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Ban Giám đốc
- + Các Phòng ban chức năng.
- + Bến xe khách Nam Thăng Long.
- + Các đơn vị SXKD .

Ban quản lý điều hành Công ty gồm:

- Hội đồng quản trị : 5 người
- Giám đốc Công ty : 1 người
- Phó Giám đốc Công ty : 1 người

- Kế toán trưởng Công ty : 1 người
- Ban kiểm soát : 3 người

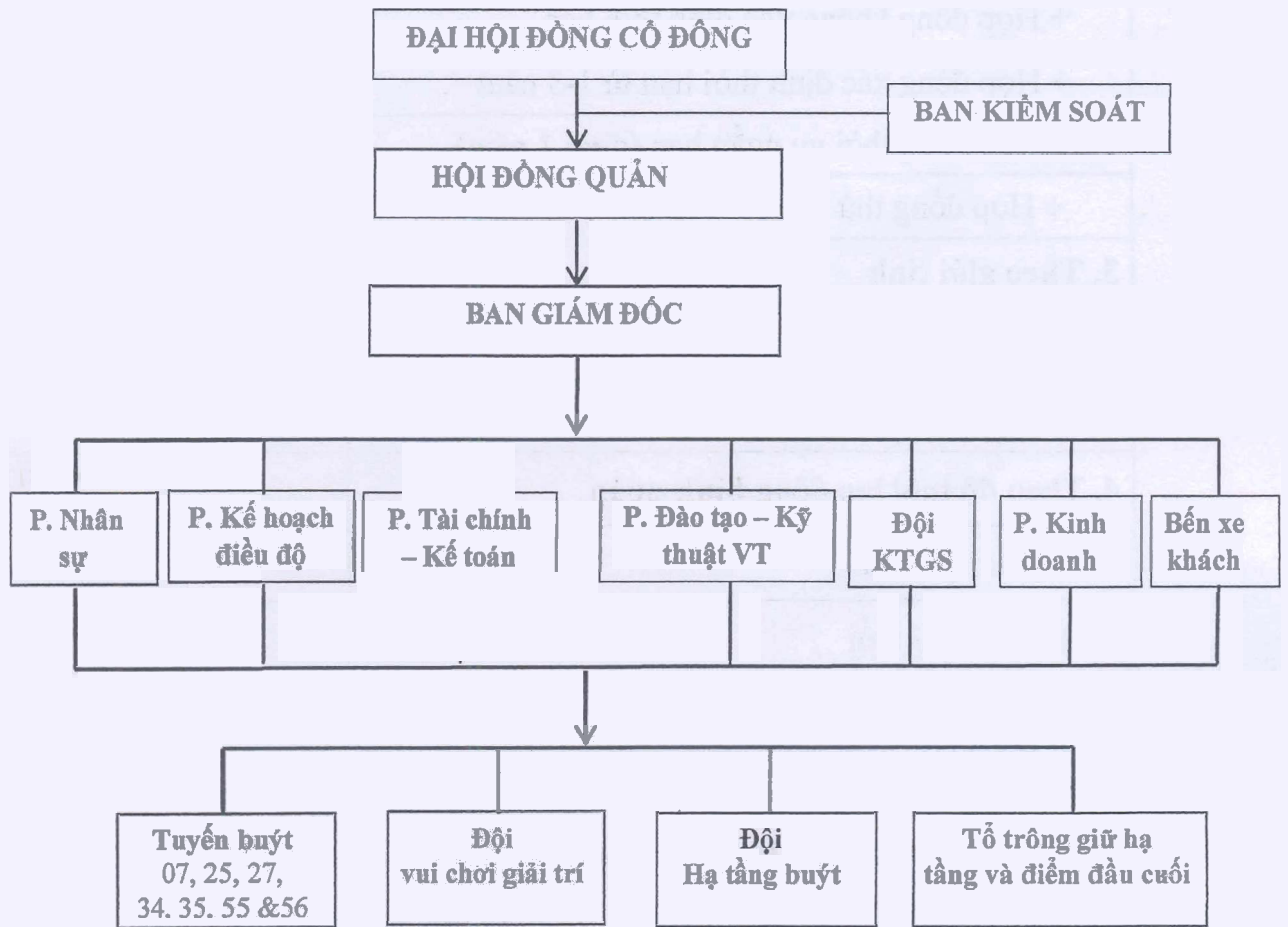
Các phòng, ban chức năng của Công ty gồm:

- + Phòng Tổ chức – Nhân sự : 16 người ;
- + Phòng Tài chính kế toán : 4 người;
- + Phòng Kế hoạch điều độ : 34 người;
- + Phòng Đào tạo và kỹ thuật vật tư : 24 người;
- + Đội Kiểm tra giám sát : 10 người;
- + Văn phòng gara : 12 người;
- + Tổ Bảo vệ : 26 người;

Các Đơn vị hoặc bộ phận SXKD (nếu có) gồm:

- + Bến Xe Khách Nam Thăng Long : 7 người;
- + Phòng Kinh doanh : 6 người;
- + Đội DV vui chơi giải trí và lái xe DV: 17 người;
- + Đội quản lý cơ sở hạ tầng : 10 người;
- + Tổ bảo vệ trông giữ điểm đầu cuối : 24 người;
- + Lao động khác(Thợ BDSC, Rửa xs): 36 người;
- + Lái xe bán vé : 543 người;

MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN



3.5. Phương án sử dụng lao động sau chuyển đổi

3.4.1. Số lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh: 769 người

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Ghi chú
1. Theo trình độ lao động	769	100.00	
+ Trên đại học	1	0.13	
+ Đại học	47	6.11	
+ Cao đẳng, Trung cấp	408	53.03	
+ Phổ thông	314	40.83	
2. Theo hợp đồng lao động	769	100.00	

+ Diện không phải ký HĐLĐ (Ban Giám đốc)	2	0.26	
+ Hợp đồng không xác định thời hạn	466	60.60	
+ Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	242	31.47	
+ Hợp đồng thời vụ ngắn hạn (dưới 1 năm)	17	2.21	
+ Hợp đồng thử việc(3 tháng)	42	5.46	
3. Theo giới tính	769	100.00	
+ Lao động nữ	93	12.09	
+ Lao động nam	676	87.91	
4. Theo độ tuổi lao động bình quân	769	100.00	
+ Dưới 30 tuổi	183	23.79	
+ Từ 30-44 tuổi	406	52.80	
+ Từ 45-60 tuổi	180	23.41	

3.4.2. Kế hoạch sử dụng lao động trong vòng 3-5 năm sau CPH

Bảng kế hoạch sử dụng lao động (Người)

STT	Đơn vị	2014	2015	2016	2017
1	Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	3	3	3	3
2	Văn phòng Công ty (các phòng ban chức năng)	127	119	117	115
3	Các tổ đội và bến xe khách (Đội KTGS, tuyến xe bus, tổ trông giữ hạ tầng và điểm đầu cuối, đội hạ tầng bus, đội vui chơi giải trí, bến xe khách....)	639	637	632	624
4	Tổng cộng	769	759	752	742
	Tốc độ bình quân (%)	100	98.70	97.80	96.51

- + Kế hoạch sử dụng lao động đến năm 2017 sau khi Xí nghiệp cổ phần hóa sẽ giảm còn 96.51% so với năm 2014 là 742 lao động.

3.4.3. Phương án sắp xếp Lao động:

TT	Nội dung	Tổng số (Người)
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	774
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Ban Giám đốc)	2
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động	772
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	471
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	242
	c) Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 1 năm	59
3	Lao động dôi dư	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	5
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	5
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0
	a) Hết hạn hợp đồng lao động	
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	
	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2012/NĐ-CP và theo thông tư 33/2012/Bộ LĐTBXH	0
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	769
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	768
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	0

	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	0
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
3	Số lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	1
	a) Nghĩa vụ quân sự	1
	b) Nghĩa vụ công dân khác	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	

3.4.4. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp:

- Theo phương án sắp xếp Lao động ở 3.4.3:

+ Số lao động trước khi sắp xếp : 774 người

+ Số lao động không có nhu cầu sử dụng: 0 người.

+ Số lao động còn lại : 774 người gồm cả 05 lao động đủ điều kiện nghỉ hưu tại thời điểm chuyển đổi (đã có đơn gửi Xí nghiệp)

+ Số lao động thực tế làm việc ở công ty cổ phần : 769 người gồm cả 01 lao động (01 lao động tạm hoãn thực hiện HĐLĐ đi nghĩa vụ quân sự).

- Tổng số lao động sau sắp xếp: 769 người gồm cả 01 lao động (01 lao động tạm hoãn thực hiện HĐLĐ đi nghĩa vụ quân)

3.4.5. Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực.

Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi phải có một lực lượng lao động giỏi về kỹ thuật tinh thông về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo. Do vậy trong những năm tới Công ty cần tập trung vào những vấn đề sau:

- Đánh giá nguồn nhân lực và sắp xếp bố trí lại nhân lực theo yêu cầu mới. Giải quyết lao động dôi dư theo đúng chế độ của nhà nước, đảm bảo cho mọi người đều có việc làm ổn định, lâu dài.

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác với đồng nghiệp.

- Tổ chức tiếp nhận lao động mới theo quy trình có chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao và tư vấn có nhiều kinh nghiệm, có uy tín.

- Gửi đi đào tạo bên ngoài tại các trường, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm thực tế.

- Ở những khâu quan trọng có tính chất quyết định đối với sự phát triển của Công ty, khi cần có thể thuê chuyên gia nước ngoài hoặc cho cán bộ đi tham quan, học hỏi kinh nghiệm tại Nước ngoài.

Bảng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực

STT	Nội dung đào tạo	Số lượng đào tạo nguồn nhân lực			
		2013	2014	2015	2016
1	Đào tạo về ATVSLĐ, PCCN	100%	100%	100%	100%
2	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn nghiệp vụ về dịch vụ phục vụ trên tuyến bus (kỹ năng bán hàng, nghiệp vụ lái xe, bán vé, quản lý chất lượng phương tiện thiết bị, kỹ thuật sửa chữa nâng cấp tiện nghi phương tiện, kỹ năng giao tiếp xử lý sự cố chăm sóc khách hàng...)	30%	30%	30%	30%
3	Tham quan học tập kinh nghiệm thực tế	20%	20%	20%	20%
4	Đào tạo cán bộ quản lý, tổ trưởng tổ phó tổ phụ trách các bộ phận	30%	30%	30%	30%

4. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa.

Trên cơ sở phương án sử dụng đất đã trình UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định và đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận về chủ trương, công ty sẽ sử dụng khu đất 454 Phạm Văn Đồng – Phường Xuân Đình – Quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội theo phương án sau:

- **Mục đích sử dụng đất:** Cơ sở sản xuất kinh doanh và trụ sở văn phòng làm việc của công ty, trạm bảo dưỡng sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ Vận tải hành khách công cộng.
- **Hình thức sử dụng đất:** Thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất là 50 năm.

5. Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

5.1. Sản phẩm kinh doanh:

- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt theo đặt hàng của Thành phố: bao gồm các tuyến buýt 07, 25, 27, 34, 35, 55, 56 và các loại hình vận tải HKCC khác nếu được giao như: các tuyến metro; các tuyến tàu điện ngầm tốc độ cao (bao gồm cả đầu tư xây mới); các tuyến ô tô điện nội đô trong phố cổ, khu đô thị mới...
- Dịch vụ duy tu, duy trì và lắp đặt biển báo, nhà chờ cho mạng lưới hoạt động VTHKCC của thành phố Hà Nội
- Dịch vụ các trò chơi vui chơi, giải trí tại các công viên Thủ Lệ và công viên Thống Nhất và các điểm phát triển mới khác
- Dịch vụ trông giữ bến bãi và các điểm đầu cuối cho xe buýt
- Dịch vụ bến xe khách liên tỉnh tuyến Hà Nội – Thái Nguyên
- Dịch vụ thương mại: quảng cáo trên xe bus, quảng cáo trên bến, nhà chờ, du lịch theo tuyến bus, xe chạy điện, cho thuê đặt trạm duy tu bảo dưỡng sửa chữa, đăng kiểm phương tiện...
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh: Hợp tác Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và xây lắp dầu khí, Trạm đăng kiểm T2901.S, Công ty cổ phần ô tô Nhật Quang.

5.2. Thuận lợi, khó khăn:

Thuận lợi:

- Đã xác lập được thương hiệu vận tải bus có chỗ đứng vững chắc và có truyền thống lâu năm tại Thủ đô với người dân
- Các tuyến bus được giao quản lý khai thác có lộ trình qua những khu vực đang tiếp tục phát triển mạnh lâu dài theo quy hoạch Thủ đô nên lượng khách hàng lớn
- Hệ thống phương tiện và cơ sở hạ tầng phục vụ kinh doanh kế thừa lại số lượng lớn, còn đủ thời gian khai thác sử dụng

- Hệ thống doanh nghiệp liên kết thuộc Tổng công ty vận tải Hà Nội tạo ra một mạng lưới khá hoàn chỉnh dịch vụ để hỗ trợ
- Chuyển thành cổ phần sẽ chủ động hơn rất nhiều về cơ chế tài chính và chính sách cho người lao động để tạo ra đội ngũ năng suất và hiệu quả hơn trước nhiều
- Có thể chủ động thực hiện các dự án đầu tư chiến lược giúp phát triển nhanh hoạt động kinh doanh mà không bị ràng buộc cơ chế
- Do làm tốt các vấn đề quản lý tài sản, hạch toán tài chính và quản lý hợp đồng nên chuyển sang CPH nhanh gọn và không bị vướng mắc có thể bắt đầu sang hoạt động SXKD của công ty mới ngay
- Thành phố luôn quan tâm về chính sách hỗ trợ phát triển GTCC

Khó khăn

- Hệ thống phương tiện vận chuyển chưa đáp ứng được về mặt tiện nghi và chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật mới và nhu cầu khách hàng, đòi hỏi cạnh tranh (hiện đại, tiện nghi, thoải mái, nhiều công nghệ tích hợp...) sẽ đòi hỏi chi phí lớn để nâng cấp đổi mới
- Dư địa thị phần vận chuyển bus đã dần đến mức tới hạn và lại đang dần thêm nhiều đối thủ cạnh tranh. Về lâu dài bắt buộc doanh nghiệp phải hướng tới khai thác các loại hình VTHKCC mới, tuy nhiên điều này bị phụ thuộc nhiều vào chính sách phát triển và quy hoạch của thành phố
- Còn một số lượng CBNV chưa thể đáp ứng được cách làm việc và yêu cầu chuyên môn thích ứng theo cơ chế mới
- Những ràng buộc về loại hình kinh doanh của 1 công ty VTHKCC không cho phép DN thực sự phát triển nhiều loại hình sản phẩm dịch vụ kinh doanh theo thời cơ và linh hoạt theo thực tế.

5.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển SXKD cho giai đoạn 2015-2017

5.3.1. Mục tiêu:

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Thành phố Hà Nội trong lĩnh vực VTHKCC bằng xe bus và 1 công ty đại chúng mạnh cả về 4 chỉ tiêu định lượng: mức độ hài lòng chất lượng phục vụ của khách hàng, sản lượng hành khách vận

chuyên, đóng góp ngân sách, mức độ sinh lợi cho cổ đông và 2 chỉ tiêu không định lượng: hoàn thành nhiệm vụ chính trị Thành phố giao, đóng góp cho xã hội.

5.3.2. Nhiệm vụ cụ thể:

Tối ưu hóa chất lượng dịch vụ tại các tuyến xe buýt được giao quản lý và phát triển thêm (nếu có);

Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các dịch vụ vui chơi giải trí, trông giữ bến bãi, bến xe khách liên tỉnh và các liên doanh liên kết hiện có kết hợp mở rộng phát triển mới

Xây dựng năng lực quản trị doanh nghiệp mạnh bằng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và ý thức phục vụ của đội ngũ CBCNV; đào tạo, lựa chọn, tuyển dụng được nhân sự giỏi đặc biệt cho các vị trí lãnh đạo, quản lý, kinh doanh.

- Phát triển đa dạng hóa thêm các sản phẩm kinh doanh tận dụng lợi thế của các loại hình VTHKCC và bến đỗ cũng như điều kiện công ty như: dịch vụ quảng cáo, dịch vụ hợp tác du lịch-bus, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng phương tiện, dịch vụ vui chơi giải trí...
- Đảm bảo lộ trình trở thành công ty đại chúng đầy đủ sau CPH và chuẩn bị đủ năng lực đáp ứng các hoạt động trên thị trường chứng khoán
- Chuẩn bị đủ năng lực đảm nhận các loại hình vận tải khác trong VTHKCC

5.3.3. Kế hoạch phát triển SXKD:

Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu của Công ty trong 03 năm tới như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	DKTH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017
1	Sản lượng vận tải					
	<i>Sản lượng khách bus</i>	1000 lượt khách	68.248	69.272	69.964	70.644
	<i>Tăng trưởng</i>	%		1,5	1,0	1,0
2	Doanh thu	Triệu đồng	225.924	243.149	249.865	254.479
2.1	<i>Doanh thu từ bus</i>	Triệu đồng	210.804	215.569	219.880	223.220
2.2	<i>Doanh thu từ dịch vụ khác</i>	Triệu đồng	15.120	27.580	29.985	31.259

3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.130	3.081	3.461	3.792
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	881	2.403	2.699	2.958
	<i>Tăng trưởng</i>	%		172,72	12,33	9,57
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	249	678	761	834
	<i>Tăng trưởng</i>	%		172,72	12,33	9,57
6	Tỷ lệ cổ tức	%		4,15	4,66	5,11
7	Tổng số lao động	Người	769	759	752	742
	<i>Tăng trưởng</i>	%		93,94	92,73	91,76
8	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	5.371	5.435	5.506	5.577
	<i>Tăng trưởng</i>	%		1,1	1,3	1,3

Hoạt động xe buýt của Xí nghiệp sau cổ phần hóa được Thành phố trợ giá, hầu như không có lợi nhuận, chủ yếu đóng góp về hiệu quả xã hội. Để nâng cao hiệu quả SXKD sau cổ phần hóa, có lợi nhuận và cổ tức chia cho các cổ đông, công ty cổ phần sẽ cố gắng phát triển mở rộng các hoạt động dịch vụ khác gồm : bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, dịch vụ đăng kiểm phương tiện, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ trông giữ phương tiện. Lợi nhuận và dự kiến tỉ lệ chia cổ tức trong 3 năm sau cổ phần hóa theo phương án trên mặc dù chưa cạnh tranh so với mặt bằng thị trường, tuy nhiên đã thể hiện nỗ lực cố gắng của Xí nghiệp trong các năm đầu chuyển sang công ty cổ phần và sẽ phấn đấu nâng cao hơn nữa trong các năm tiếp theo.

5.4. Các giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD

5.4.1. Nhóm giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong các hoạt động bus và dịch vụ trông giữ, quản lý bến đỗ như: nghiên cứu xây dựng, ứng dụng các phần mềm quản lý kỹ thuật phương tiện, quản lý nhân sự, quản lý phương tiện ra vào bến đỗ, phần mềm kế toán, hệ thống kiểm soát hành trình...chuẩn bị hướng tới xây dựng hệ thống ERP quản trị DN

Nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao các công nghệ sửa chữa bảo dưỡng xe mới nhất từ các đối tác có năng lực

5.4.2. Nhóm giải pháp tăng cường khai thác, phát triển các sản phẩm dịch vụ GTGT:

- Quy hoạch bố trí mặt bằng điểm đỗ, trụ sở để cho thuê quảng cáo, cho thuê địa điểm kinh doanh, đại lý sửa chữa bảo dưỡng, đăng kiểm phương tiện...
- Tìm kiếm đối tác hợp tác phát triển các dịch vụ kết hợp vận chuyển bus và du lịch nội đô
- Nghiên cứu, thiết kế lại dịch vụ quảng cáo trên xe để khai thác được quảng cáo trong xe và xây dựng phương án bố trí quảng cáo bên ngoài xe động thay cho kính để tăng diện tích quảng cáo và số lượng nội dung, khách hàng quảng cáo, giảm giá quảng cáo

5.4.3. Nhóm giải pháp đầu tư mở rộng

- Nghiên cứu triển khai các dự án đầu tư bao gồm cả các dự án đầu tư XDCB có sử dụng đất mục đích phát triển hạ tầng GTVT công cộng phù hợp ngành nghề kinh doanh của công ty
- Tìm kiếm các đối tác thích hợp cả trong và ngoài nước hoạt động về GTVT để đầu tư theo hình thức mua CP, góp vốn, liên doanh liên kết đặc biệt là nhóm những công ty XD hạ tầng giao thông, công ty sản xuất thiết bị phương tiện giao thông, công ty công nghệ kỹ thuật vận tải...

5.4.4. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực quản trị DN và chất lượng phục vụ

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên bằng tăng cường đào tạo nội bộ và khóa học bên ngoài, các hội thi tay nghề, nghiệp vụ...
- Tăng cường quản lý, kiểm tra và xử lý các vi phạm về bảo dưỡng, sửa chữa, công tác chuẩn bị, đảm bảo tiện nghi, an toàn, chất lượng phương tiện trước vận hành
- Nâng cao ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của CBCNV bằng:
 - Tăng cường kiểm tra thực hiện quy chế, xử lý nghiêm vi phạm và có thái độ không đúng mực trong công tác
 - Xây dựng chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc
 - Xây dựng chính sách tuyển dụng, thu hút nhân lực có chất lượng cao, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành
 - Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt là tiền lương khen thưởng (kịp thời khen thưởng xứng đáng các đề xuất có tính sáng tạo), xây

dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, chăm lo đời sống tinh thần cho bản thân và gia đình người lao động

- Bố trí lại một số vị trí công việc phù hợp khả năng
- Tuyên truyền và giáo dục ý thức phục vụ.
- Cải tạo nâng cao điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng
- Tổ chức các kênh thông tin để tạo điều kiện cho khách hàng nhận được đầy đủ thông tin dịch vụ và giải quyết những khiếu nại, yêu cầu...
- Thu hút nhân dân tham gia VTHKCC bằng biện pháp marketing thích hợp và chất lượng phục vụ

5.4.5. Nhóm giải pháp tài chính:

- Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch, rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn công ty.
- Xây dựng cụ thể nhu cầu vốn phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh theo hướng tăng dần tỷ lệ vốn chủ sở hữu, giữ mức cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay, vốn dài hạn và vốn ngắn hạn tương ứng với tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn, đảm bảo nguồn vốn dài hạn đủ để tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản dài hạn và một phần cho nhu cầu vốn lưu động sử dụng thường xuyên, giảm bớt rủi ro về tài chính.
- Sử dụng linh hoạt các loại nguồn vốn, nếu đầu tư vào tài sản cần phải xem xét kỹ nhu cầu sử dụng tài sản, mức độ đầu tư tài sản cho phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- Áp dụng các hình thức huy động vốn linh hoạt thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi để tạo nguồn vốn ổn định cho sản xuất kinh doanh và giảm dần tỷ lệ vốn vay.
- Theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, cỡ, biện pháp cụ thể công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ...

Đẩy mạnh hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác có tiềm lực về tài chính, thực hiện đa dạng hóa hình thức đầu tư và hình thức sở hữu trong đầu tư xây dựng để thu xếp vốn đầu tư cho các dự án.

5.4.6. Nhóm giải pháp về kinh doanh thị trường:

- Phát triển mạnh hình thức bán dịch vụ trực tuyến qua mạng và tận đơn vị, tận nhà (vé, dịch vụ đặt chỗ đỗ, dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện...) Thực hiện các biện pháp marketing thương hiệu (SEO, quảng cáo báo, VOV, xây dựng website mới, tiện ích di động...)
- Phát triển đội ngũ nhân viên sales và mở rộng hoạt động liên kết dịch vụ tại trường học, bệnh viện và các tòa nhà tại các khu vực trên hành trình các tuyến bus.

5.4.7. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ

- Lao động của tại các tổ đội sẽ sử dụng lao động chuyên môn đang công tác tại văn phòng Công ty và kết hợp điều động, luân chuyển giữa các tổ đội. Kết hợp đào tạo phát triển lao động tại tổ đội để đưa lên văn phòng công ty để tinh giản đội ngũ
- Đánh giá nguồn nhân lực và sắp xếp bố trí lại nhân lực theo yêu cầu mới đảm bảo mọi người đều có việc làm ổn định.
- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ chuyên môn bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực, trình độ quản lý, trình độ kĩ thuật cho cán bộ công nhân
Có chính sách thu hút để tuyển mới lao động có năng lực và trình độ, có kinh nghiệm và chuyên môn giỏi vào Công ty.
- Tăng cường kỉ luật lao động, xây dựng tác phong công nghiệp, xây dựng cơ chế quản lý lao động linh hoạt, hiệu quả.
Cùng với việc tăng tiền lương theo kế hoạch, quỹ phúc lợi sẽ được sử dụng cho những hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các phong trào sinh hoạt tập thể, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, thực hiện công khai dân chủ
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp quy nội bộ phục vụ các công tác quản lý điều hành.

- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể trong Ban giám đốc. Cơ cấu lại lực lượng cán bộ giữa các phòng ban
- Tuyển chọn đề bạt cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh, có tâm huyết với doanh nghiệp.
- Nghiên cứu vận dụng các chính sách do nhà nước ban hành đối với người lao động dôi dư do sắp xếp của doanh nghiệp.

5.4.8. Nhóm giải pháp kiện toàn các tổ chức đoàn thể trong Công ty.

- Kiện toàn tổ chức và đảm bảo vai trò hoạt động các tổ chức đoàn thể phù hợp mô hình hoạt động của Công ty cổ phần.
- Xây dựng quy chế làm việc giữa chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty với ban chấp hành Đảng ủy, BCH Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CPH VÀ KIẾN NGHỊ

1. Phương án cổ phần hóa:

1.1. Giá trị doanh nghiệp:

Giá trị doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước được xác định lại tại thời điểm 30/6/2014 như sau:

- Giá trị doanh nghiệp: 107.927.954.897 tỷ đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước: 40.201.122.408 tỷ đồng.

Giá trị doanh nghiệp không phải tính bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý trong giá trị quyền sử dụng đất vì theo quy định tại Điều 31 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Công ty chọn hình thức thuê đất của nhà nước và trả tiền thuê đất hàng năm.

1.2. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

Căn cứ phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa Công ty là: Vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

1.3. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thời điểm 30/6/2014 là: 107.927.954.897 đồng, Xí nghiệp xác định nhu cầu vốn điều lệ của Công ty cổ phần là: 55 .000.000.000 đồng.

- Số lượng cổ phần: 5.500.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

1.4. Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Danh mục cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	51,00	2.805.000	28.050.000.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động gồm:	28,72	1.570.500	15.705.000.000
	-Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước;	10,71	588.800	5.888.000.000
	-Cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.	18,01	990.600	9.906.000.000
3	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp	0	0	0
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	20,28	1.115.600	11.154.000.000
	Cộng	100%	5.500.000	55.000.000.000

STT	Cơ cấu cổ đông	Giá trị vốn góp (Triệu đồng)	Số lượng cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nhà nước	28.050	2.805.000	51,00	
2	Người lao động mua theo thời gian công tác	5.888	588.800	10,71	
3	Người lao động mua theo cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	9.906	990.600	18,01	
4	Công đoàn	0	0	0	
5	Các nhà đầu tư khác (gồm cả nhà đầu tư chiến lược nếu có)	11.154	1.115.600	20,28	
	Tổng cộng	55.000	5.500.000	100	

2. Tổ chức bán cổ phần:

2.1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên (CBCNV) Xí nghiệp Xe điện Hà Nội có trong danh sách tại thời điểm công bố giá trị DN ngày 31/12/2014, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP

2.2. Cổ phần ưu đãi cho người lao động:

Gồm 2 nhóm cổ phần đương nhiên được mua và cổ phần có thể mua thêm:

2.2.1. Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thời gian thực tế làm việc cho khu vực nhà nước (cổ phần đương nhiên được mua)

Căn cứ khoản 1, Điều 48, Nghị định 59, Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (Trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (Đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)

Phương án mua cổ phần ưu đãi đối với lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước của Công ty như sau :

Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm : 774 người
 công bố giá trị doanh nghiệp (31/12/2014)

Số lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế : 636 người
 làm việc trong khu vực nhà nước (có 138 không đủ điều
 kiện do thời gian công tác <1 năm)

• Số lao động đủ điều kiện được mua ưu đãi đã đăng ký : 635 người
 mua (có danh sách kèm theo), có 0 người không mua

Tổng số cổ phần đã được đăng ký mua ưu đãi : 588.800 cổ phần

Giá bán = 60% giá đấu thành công thấp nhất : 6 nghìn/cổ phần

2.2.2. Cổ phần ưu đãi cho người lao động thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần (cổ phần có thể mua thêm).

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần

Lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (Kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm đăng ký cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động

- Số lao động được làm việc tại Công ty cổ phần : 769 người
- Số lao động được mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần : 769 người
- Số lao động đủ điều kiện được mua thêm đã đăng ký (có danh sách kèm theo), có 248 người không mua thêm : 521 người
- Tổng số cổ phần đã được đăng ký mua thêm theo giá ưu đãi : 990.600 cổ phần
- Giá bán=Giá đấu thành công thấp nhất : 10 nghìn/cổ phần

2.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Công ty không có nhà đầu tư chiến lược.

2.4. Cổ phần bán đấu giá ra ngoài:

- Tổ chức bán đấu giá : 1.115.600 cổ phần
- Đối tượng tham gia bán đấu giá : Các nhà đầu tư đủ điều kiện theo PL
- Giá khởi điểm : 10,000 đồng/cổ phần

Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp 3 năm trước CPH hiệu quả lợi nhuận chưa hấp dẫn và dự đoán 3 năm sau khi cổ phần hóa (2015-2017), lợi nhuận của Công ty cổ phần chưa cao, mức trả cổ tức cho cổ đông từ khoảng 4,15 đến 5,11%.

Vì thế, để thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp đề xuất Giá khởi điểm chào bán là 10,000 đồng/cổ phần.

2.5. Loại cổ phần và phương thức bán

2.5.1. Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần xe điện Hà Nội tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.5.2. Phương thức bán cổ phần

- Bán đấu giá công khai qua Sở Giao dịch chứng khoán : 1.115.600 cổ phần
- Bán ưu đãi cho người lao động qua đăng ký tại Xí nghiệp : 990.600 cổ phần
- Chỉ phát hành thêm cổ phần trong trường hợp tổng số cổ phần được đăng ký mua lớn hơn số cổ phần đấu giá

3. Thực hiện phương án cổ phần hóa được phê duyệt

Kế hoạch thực hiện:

Sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt và có quyết định về việc chuyển Xí nghiệp Xe điện Hà Nội chuyển thành Công ty cổ phần, triển khai thực hiện theo lịch trình dự kiến như sau:

(Dự kiến ngày 31/12/2014 phương án cổ phần hóa được phê duyệt)

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	10/3/2014
2	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV, nhà đầu tư khác	18-28/03/2014
3	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	04/2014
5	Tổ chức đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	04/2014
6	Sau khi có quyết định bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng mới - Công ty làm thủ tục ĐKKD và xin cấp con dấu mới - In sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	04/2014
7	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, "vốn, sổ sách cho HĐQT	04/2014
8	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo qui định	05/2014

4. Kiến nghị:

Để Xí nghiệp Xe điện Hà Nội sau cổ phần hóa hoạt động ổn định, có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước và đặc biệt là đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNV của công ty, Tổng công ty xin được đề xuất UBND Thành phố Hà Nội và Sở Ban Ngành liên quan xem xét chấp thuận các kiến nghị sau:

- Cho phép được giữ nguyên cơ chế đặt hàng và duy trì ổn định như hiện nay đối với 7 tuyến buýt của Xí nghiệp khi chuyển sang Công ty cổ phần (07, 25, 27, 34, 35, 55 & 56) trong thời hạn tối thiểu 5 năm.

- Cho phép Công ty cổ phần được hưởng các ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần; được miễn tiền thuê đất cho đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/04/2009 và Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2012 của Thủ Tướng Chính Phủ về miễn tiền thuê đất đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng.

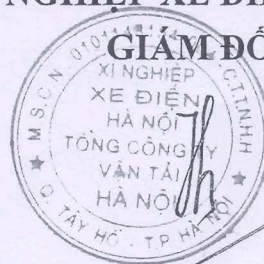
Trên đây là phương án sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xe Điện Hà Nội sau chuyển đổi được xây dựng căn cứ vào năng lực thực tế của doanh nghiệp và các điều kiện kinh tế xã hội, với mục đích không ngừng phát triển, đóng góp vào sự phát triển của ngành, của Thủ đô Hà Nội và cả nước. Kính đề nghị UBND Thành phố Hà Nội và các Sở ban ngành xem xét và thẩm định phương án sản xuất kinh doanh để Xí nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa theo qui định của nhà nước.

BAO Y BẢN CHÍNH
 Ngày 22 tháng 01 năm 2015



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Đình Hà

XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI



Nguyễn Hữu Hồng